

Bản án số: **01/2023/LĐ-PT**

Ngày: 20-12-2023

“Tranh chấp về tiền lương”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Tấn Tăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/12/2023 và ngày 20/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2023/TLPT-LĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc *“Tranh chấp về tiền lương”*.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 444/2023/QĐXXPT-LĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thị Phương M, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ: Số B, Chung cư T, số C, đường T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH L1;

Địa chỉ trụ sở: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức B, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996 (Có mặt); Địa chỉ: Số B, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/11/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH L1:
Luật sư Mai T – Công ty L2 và Cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt ngày

13/12/2023; Vắng mặt ngày 20/12/2023, có đơn xin vắng mặt xét xử).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tổng Công ty T3;

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Quốc T1, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt ngày 13/12/2023 và ngày 20/12/2023, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Phương M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M trình bày:** Bà M là người lao động liên tục từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/10/2021, làm việc thực tế tại Công ty TNHH L1 (Gọi tắt là Công ty L1) với chức danh là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật liên quan đến Văn bản số: 1442/TCT-NS ngày 03/12/2019 của Tổng Công ty T3 (Viết tắt là Công ty S) về công tác đại diện vốn Nhà nước, Ban điều hành Công ty, Nghị quyết số: 12.2019/QĐ-HĐTV ngày 05/12/2019 của Hội đồng thành viên Công ty L1 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp A do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/12/2019. Ngày 20/7/2021, bà M có gửi văn bản đến Công ty S để yêu cầu xem xét nội dung liên quan đến việc ký kết Hợp đồng lao động giữa Công ty S và bà M. Theo điểm 2 của mục III của Công văn số: 1021 ngày 20/7/2021 của bà M có yêu cầu Công ty S: “Trả cho bà Mai một lần toàn bộ, tất cả các khoản thu nhập đối với khoảng thời gian bà M giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 từ ngày 03/12/2019 cho đến khi bà M hoàn tất các thủ tục để không còn giữ chức vụ và công việc liên quan. Mức thu nhập bà M đề xuất là 44.000.000 đồng/tháng (Tương đương với 110% mức thu nhập của Phó Giám đốc Công ty L1 vừa nghỉ việc) cùng với các khoản tiền thưởng (Thưởng lễ tết, lương tháng 13), tiền lãi phát sinh trên các khoản lãi phải trả trong thời gian chậm trả và các khoản khác (Nếu có) mà người lao động được hưởng theo chế độ làm việc tại Công ty L1”. Công ty S có ban hành Văn bản số: 973/TCT-NS ngày 13/8/2021 phúc đáp Đơn trình bày ngày 20/7/2021 của bà M, với nội dung: “...việc ký Hợp đồng lao động với bà M để thực hiện nhiệm vụ tại Công ty L1 là do Hội đồng thành viên Công ty L1 thực hiện, không thuộc thẩm quyền của Công ty S. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý Công ty L1 do Hội đồng thành viên Công ty L1 xem xét, quyết định,...”. Ngày 09/9/2021, bà M đã gửi văn bản đến Hội đồng thành viên Công ty L1 và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty L1 để yêu cầu khắc phục các vi phạm phát sinh từ quan hệ lao động. Ngày 13/9/2021, Công ty L1 đã gửi Văn bản số: 25/2021.NĐ đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L về việc đề nghị hỗ trợ hướng dẫn ký Hợp đồng lao động và trả lương, thưởng cho người

lao động theo quy định pháp luật. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L đã có Văn bản số: 10670/LĐTBXH ngày 24/9/2021 phúc đáp Văn bản số: 25/2021.NĐ với nội dung: “Đề nghị Công ty L1 thực hiện ký Hợp đồng lao động với chức danh Giám đốc theo quy định tại Điều 5 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ...”. Ngày 01/10/2021, bà M tiếp tục gửi Văn bản đến Hội đồng thành viên Công ty L1 để yêu cầu khắc phục các vi phạm và thiếu sót phát sinh trong quan hệ lao động (lần 2) với nội dung: “Với những lý do nêu trên, yêu cầu Công ty L1 chấm dứt các vi phạm và khắc phục các hậu quả, thiếu sót liên quan đến quan hệ lao động nêu trên, cụ thể là:

1. Giao kết Hợp đồng lao động bằng văn bản đối với quan hệ lao động đã thực tế phát sinh giữa Công ty L1 và bà M với thời hạn hợp đồng phù hợp với thực tế đã phát sinh (Từ khi bắt đầu quan hệ lao động ngày 03/12/2019 cho đến hết ngày 30/9/2021), hoặc một ngày khác phù hợp với thực tế đã xảy ra).

2. Trả cho bà M các khoản tiền lương, tiền công, các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật, cũng như của Công ty L1 và các khoản tiền lãi chậm trả phát sinh liên quan trong thời hạn, cụ thể là:

a. Lương căn bản và tiền lãi trả chậm:

- L căn bản: Tính theo hệ thống thang lương, bảng lương căn bản đã được Công ty L1 ban hành, đăng ký và áp dụng từ 01/01/2018 cho đến nay, với mức lương bậc 1 của Giám đốc là 12.972.000 đồng/tháng. Theo đó, tổng số tiền lương căn bản cộng dồn phát sinh trong thời gian tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến 30/9/2021 là 285.882.923 đồng.

- Tiền lãi chậm trả: Do trả lương chậm 15 ngày trở lên, Công ty L1 phải đền bù cho bà Mai một khoản tiền ít nhất bằng số tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động có kỳ hạn 01 tháng. Với số tiền lãi trả chậm cộng dồn phát sinh trong thời gian tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến ngày 30/9/2021 là 7.757.796 đồng.

b. Lương hiệu quả kinh doanh chậm trả: Tính bằng 110% mức hiện áp dụng cho các chức danh Phó Giám đốc Ngọc Đ. Tổng số tiền lương hiệu quả kinh doanh cộng dồn vào lãi chậm trả và tổng số tiền lãi trả chậm cộng dồn liên quan phát sinh, trong thời gian tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến ngày 30/9/2021, lần lượt là 629.284.373 đồng và 17.745.259 đồng.

c. Các khoản phải trả khác: Phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác, các chế độ và phúc lợi khác (Như thưởng theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật lao động 2019, tiền thưởng sáng kiến, tiền ăn giữa ca...) một lần toàn bộ, ngay khi các bên đối chiếu xong số liệu, nhưng chậm nhất cũng không quá ngày 31/10/2021.

Mỗi khoản và mọi khoản tiền nêu tại các mục 2a và 2b trên đây đều được yêu cầu trả một lần toàn bộ ngay khi việc thanh toán mỗi khoản hay mọi khoản tiền đó đã trở thành có thể, nhưng chậm nhất cũng không quá ngày 15/10/2021

(Thời gian hợp lý đủ cho các bên liên quan hoàn tất các thủ tục cần thiết). Bảng tính chi tiết các khoản tiền lương căn bản, lương hiệu quả kinh doanh và các khoản tiền lãi trả chậm của mục 2a và 2b được gửi đính kèm theo đây để Công ty L1 tiện tham khảo và đối chiếu. Ngoài ra, bà M đề nghị Công ty L1 xem xét việc xây dựng và ban hành quy chế làm việc đối với chức danh Giám đốc, để các bên có cơ sở tiến hành thỏa thuận việc giao kết Hợp đồng lao động cho khoảng thời gian sau khi kết thúc thời hạn, theo đúng quy định tại Điều 5 Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Đến ngày 15/10/2021, Công ty L1 vẫn chưa trả cho bà M các khoản tiền nêu tại mục 2a (L căn bản và tiền lãi chậm trả) và 2b (L hiệu quả kinh doanh và tiền lãi chậm trả) của Văn bản ngày 01/10/2021.

Ngày 16/10/2021, bà M gửi văn bản thông báo đến Công ty L1 quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động giữa bà M với Công ty L1 kể từ ngày 16/10/2021 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật lao động. Theo đó quan hệ lao động, giữa bà M với Công ty L1 chấm dứt vào ngày làm việc cuối cùng ngày 15/10/2021. Đến ngày 15/02/2022, Công ty L1 vẫn chưa thực hiện bất kỳ một biện pháp khắc phục hậu quả nào phát sinh từ việc đã và đang vi phạm các quy định của pháp luật phát sinh từ quan hệ lao động. Ngày 15/02/2022, bà M gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L (Gửi qua đường bưu điện) và yêu cầu cử hòa giải viên lao động để hòa giải. Đến ngày 15/3/2022 (Ngày ký và gửi đơn khởi kiện) đã hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật mà hòa giải viên không tiến hành hòa giải.

Nay bà Huỳnh Thị Phương M yêu cầu Công ty L1 hoàn trả tổng số tiền lương căn bản (Tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/10/2021) là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả (Tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/02/2022) là 10.997.909 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH L1 có chị Phan Thị Thảo Q là người đại diện hợp pháp trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu Công ty TNHH L1 (Viết tắt là Công ty L1) hoàn trả tổng số tiền lương căn bản (Tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021) là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả (Tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021) là 10.997.909 đồng thì Công ty L1 không đồng ý với các lý do như sau:

+ Thứ nhất: Bà M không có làm việc thực tế, liên tục trong khoảng thời gian từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 tại Công ty L1. Cụ thể: Bà M đã giao kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Tổng Công ty T3 (Viết tắt là Công ty S) từ ngày 01/11/2016. Đến ngày 01/11/2018, bà M với Công ty S giao kết Hợp đồng lao động số: 55/HĐLD/2018, loại Hợp đồng không xác định thời hạn, chức danh chuyên môn là Phó Giám đốc kinh doanh. Ngày 20/8/2019, Công ty S ban hành Quyết định số: 374/QĐ-TCT về việc bổ nhiệm bà M giữ chức vụ Giám đốc

kinh doanh Công ty S. Ngày 03/12/2019, Công ty S ban hành Văn bản số: 1442/TCT-NS quyết định: "...cử bà Huỳnh Thị Phương M, Giám đốc kinh doanh Công ty S, hiện là người đại diện vốn giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty L1". Đến ngày 28/5/2021, Công ty S ban hành Quyết định số: 165/QĐ-TCT có nội dung: "...thôi nhiệm vụ Giám đốc kinh doanh Công ty S đối với bà Huỳnh Thị Phương M. Điều động bà Huỳnh Thị Phương M đến nhận công tác tại Trung tâm T3". Bên cạnh đó, Công ty S cũng thừa nhận nội dung này tại Văn bản số: 973/TCT-NS ngày 13/8/2021 ghi nhận bà M thôi nhận nhiệm vụ Giám đốc kinh doanh tại Công ty S kể từ ngày 28/5/2021, nhận công tác tại Trung tâm S. Như vậy, bà M chỉ công tác và làm việc thực tế tại Công ty S, hoàn toàn không có làm việc thực tế, liên tục trong khoảng thời gian từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 tại Công ty L1.

+ Thứ hai: Việc bà M đảm nhiệm chức vụ Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 trên cơ sở là đại diện vốn cho Công ty S tại Công ty L1. Bà M đã được Công ty S trả tiền lương, thù lao và các khoản chi khác theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà M với Công ty S. Vào ngày 03/12/2019, Công ty S ban hành Văn bản số: 1442/TCT-NS quyết định: "...cử bà Huỳnh Thị Phương M, Giám đốc kinh doanh Tổng Công ty T3, hiện là người đại diện vốn giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L1". Dựa trên quyết định của Công ty S, Hội đồng thành viên Công ty L1 thống nhất và ban hành Nghị quyết số: 12.2019/QĐ.HĐTV ngày 05/12/2019 quyết định bổ nhiệm bà M giữ chức vụ Giám đốc và người đại diện theo pháp luật tại Công ty L1. Bên cạnh đó, Quyết định trên cũng không ghi nhận về vấn đề chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản chi khác cho bà M. Bởi lẽ, bà M chỉ giữ chức danh chứ không làm việc thực tế tại Công ty L1, toàn thời gian đều công tác và đảm nhiệm vị trí Giám đốc kinh doanh tại Công ty S. Tức là, bà M đã được Công ty S chi trả tiền lương để giữ chức vụ Giám đốc và người đại diện vốn của Công ty S tham gia Ban điều hành tại Công ty L1.

+ Thứ ba: Công ty L1 không có kế hoạch chi trả tiền lương cho chức danh Giám đốc. Cụ thể: Căn cứ khoản 1 Điều 4 của Quy chế ngày 30/6/2020 về việc trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý công ty quy định: "Đối với người quản lý Công ty không phải là người đại diện phần vốn Nhà nước thì mức tiền lương bình quân thực hiện do Công ty quyết định, bảo đảm cân đối hợp lý với tiền lương của người quản lý Công ty là người đại diện phần vốn Nhà nước". Quy chế trả lương của Công ty L1 xác định không có chi trả tiền lương cho người đại diện phần vốn Nhà nước là bà M. Tại Tờ trình số: 06/2020.BGD.NĐ ngày 06/11/2020 của Công ty L1 về việc điều chỉnh kế hoạch lao động, quỹ lương, quỹ thù lao năm 2020 do bà Huỳnh Thị Phương M ký, trình gửi Hội đồng thành viên Công ty L1 cũng ghi nhận: Kế hoạch sử dụng lao động năm 2020, trong Ban giám đốc không có ghi nhận sử dụng lao động bà Huỳnh Thị Phương M với chức danh Giám đốc. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách: Không ghi nhận việc

chi trả tiền lương cho chức danh Giám đốc. Mặt khác, việc bà M phải đến hơn 02 năm sau mới đề cập đến vấn đề yêu cầu chi trả thêm tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản chi khác đối với việc giữ chức danh Giám đốc và người đại diện theo pháp luật từ Công ty S và Công ty L1 là hoàn toàn vô lý, bởi lẽ không người lao động nào lại để nợ lương kéo dài và thời gian rất lâu mới khởi kiện Công ty.

Do đó, Công ty L1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương M về việc yêu cầu Công ty L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền lương căn bản cộng dồn phát sinh trong thời gian tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả của tiền lương hàng tháng là 10.997.909 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty T3; đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Quốc T1 có đơn xin vắng mặt.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương M yêu cầu Công ty TNHH L1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền lương căn bản cộng dồn phát sinh trong thời gian tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả tiền lương hàng tháng là 10.997.909 đồng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Phương M được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2023 nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M kháng cáo bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò (viết tắt là bản án sơ thẩm) yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc Công ty TNHH L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Mai m lần, toàn bộ, ngay lập tức tổng số tiền là 303.366.832 đồng bao gồm khoản tiền lương tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/02/2022 (23 tháng) là 10.997.909 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M trình bày: Quan hệ lao động thực sự phát sinh giữa bà M và Công ty N từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/10/2021, trên cơ sở Văn bản số: 1442/TCT-NS ngày 03/12/2019 của Công ty S, Nghị quyết số: 12.2019/QĐ-HĐTV ngày 05/12/2019 của Hội đồng thành viên Công ty L1 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/12/2019. Năm 2019 dưới sự điều hành, quản lý của bà M thì Công ty L1 hoạt

động có lãi 1,3 tỷ đồng, mặc dù năm 2020 lỗ 20 tỷ và năm 2021 lỗ 30 tỷ nhưng không phải lỗi của bà M mà là do dịch bệnh C và Công ty L1 đã hoạt động bị thua lỗ từ trước đó. Bà M có công đóng góp tại Công ty L1 và có yêu cầu Công ty S chi trả cho bà nhưng Công ty S không trả, nên bà M mới yêu cầu Công ty L1 chi trả lương cho bà theo mức lương quy định đối với chức danh Giám đốc (bậc 1) theo mức đóng bảo hiểm xã hội là 12.972.000 đồng/tháng thời gian từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/10/2021. Lý do bà M không yêu cầu Công ty L1 trả lương cho bà trong thời gian dài là năm 2020 - 2021 dịch bệnh Covid bùng phát, Công ty S thay đổi Tổng Giám đốc liên tục nên gặp nhiều khó khăn, ngoài ra pháp luật cũng không quy định cụ thể Giám đốc không chuyên trách thì không được hưởng lương như Điều lệ Công ty N1. Vì vậy, nguyên đơn bà M yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn Công ty L1 phải trả tiền lương cho bà M thời gian từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả tiền lương hàng tháng (tổng cộng 23 tháng) là 10.997.909 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn Công ty TNHH L1 là Luật sư Mai T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi các căn cứ như: Bà M không ký hợp đồng với Công ty L1 nên không phát sinh nghĩa vụ trả lương theo hợp đồng; Người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành chung của Công ty L1 là ông Ông Huy T2 chứ không phải là bà M được thể hiện theo Văn bản số: 1442/TCT-NS ngày 03/12/2019 của Công ty S, Tờ trình số: 06/2020.BGD.NĐ ngày 06/11/2020 của Công ty L1 về việc điều chỉnh kế hoạch lao động, quỹ lương, quỹ thù lao năm 2020 do Giám đốc bà Huỳnh Thị Phương M ký; Bà M không làm việc liên tục tại Công ty L1 do phải đảm nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, Giám đốc kinh doanh tại Công ty S; Bà M thực tế đã nhận được lương, thù lao, các chế độ khác từ Công ty S như trình bày của bà M tại Tòa án; Hội đồng thành viên Công ty L1 không có văn bản nào xác định nghĩa vụ trả lương cho bà mai với vai trò là Giám đốc; Bà M cho rằng năm 2019 làm việc tại Công ty L1 (chỉ 27 ngày, tính từ ngày 03/12/2019) có lãi 1,3 tỷ, còn năm năm 2020 lỗ 20 tỷ và năm 2021 lỗ 30 tỷ, cho thấy bà M không có đóng góp nhiều cho sự phát triển của Công ty L1 và thực tế hiện nay Công ty L1 do đã thua lỗ nhiều nên đã ngừng hoạt động.

Chị Phan Thị Thảo Q là người đại diện hợp pháp (theo ủy quyền) của bị đơn Công ty TNHH L1 có trình bày: Thống nhất trình bày của Luật sư Mai T như nêu trên, không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty T3 có ông Lâm Quốc T1 là người đại diện hợp pháp (theo pháp luật) nộp Đơn đề nghị vắng mặt đề ngày 11/12/2023 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử phúc thẩm và đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M; tuyên xử giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án lao động về việc “*Tranh chấp về tiền lương*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc bà M nộp đơn kháng cáo đề ngày 05/9/2023 vào ngày 29/8/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của Tổng Công ty T3 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 01/11/2016, bà M giao kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Tổng Công ty T3 (Viết tắt là Công ty S). Đến ngày 01/11/2018, bà M với Công ty S đã ký Hợp đồng lao động theo số: 55/HĐLĐ/2018, loại Hợp đồng không xác định thời hạn, chức danh chuyên môn là Phó Giám đốc kinh doanh. Ngày 20/8/2019, Công ty S ban hành Quyết định số: 374/QĐ-TCT về việc bổ nhiệm bà M giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh Công ty S, quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2019. Đến ngày 30/8/2019, Công ty S ký với bà M phụ lục Hợp đồng lao động số: 01/55/HĐLĐ/2018/2019, thỏa thuận ký kết Phụ lục hợp đồng để điều chỉnh một số nội dung của Hợp đồng lao động số: 55/HĐLĐ/2018 ngày 01/11/2018, chức danh chuyên môn là Giám đốc kinh doanh. Ngày 03/12/2019, Công ty S ban hành Văn bản số: 1442/TCT-NS, về công tác đại diện vốn Nhà nước, Ban Điều hành tại Công ty, quyết định: “....cử bà Huỳnh Thị Phương M, Giám đốc kinh doanh Tổng Công ty T3, hiện là người đại

diện vốn Nhà nước kiêm nhiệm, thành viên HĐQT Công ty TNHH L1 giữ chức vụ Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.....4...Đề cử ông Ông Huy T2, Giám đốc Chi nhánh S1 tham gia Ban Điều hành và giữ chức vụ Phó Giám đốc Thường trực Công ty TNHH L1.....”. Vào ngày 05/12/2019, Công ty L1 ban hành Nghị quyết số: 12.2019/QĐ.HĐTV về việc thay đổi nhân sự Ban Điều hành, quyết định: “....bỏ nhiệm chức danh Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH L1 đối với bà Huỳnh Thị Phương M....”. Đến ngày 28/5/2021, Công ty S ban hành Quyết định số: 165/QĐ-TCT về việc thôi nhiệm vụ, điều động và bổ nhiệm nhân sự, quyết định: “....thôi nhiệm vụ Giám đốc kinh doanh Tổng Công ty T3 đối với bà Huỳnh Thị Phương M và điều động bà M đến nhận công tác tại Trung tâm T3...., Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04/6/2021....”. Ngày 16/10/2021, bà M gửi văn bản thông báo đến Công ty L1 quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động giữa bà M với Công ty L1 kể từ ngày 16/10/2021, theo đó quan hệ lao động, giữa bà M với Công ty L1 chấm dứt vào ngày làm việc cuối cùng ngày 15/10/2021. Ngày 06/12/2021 Công ty S ban hành Quyết định số: 299/QĐ-TCT về việc thôi nhiệm vụ đại diện vốn, đề nghị thôi tham gia Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH L1. Việc nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Mai m lần, toàn bộ, ngay lập tức tổng số tiền là 303.366.832 đồng bao gồm khoản tiền lương tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 15/02/2022 (23 tháng) là 10.997.909 đồng. Còn bị đơn Công ty L1 không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bị đơn không có nghĩa vụ trả lương cho bà M. Điều này đã phát sinh tranh chấp về tiền lương được quy định tại Điều 13, Điều 90 Bộ luật lao động năm 2019.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M là có cơ sở. Bởi lẽ: Việc bà M đảm nhiệm chức vụ Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty L1 trên cơ sở là đại diện vốn Nhà nước cho Công ty S tại Công ty L1. Bà M đã được Công ty S trả tiền lương, thù lao và các khoản chi khác theo Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng được ký kết giữa bà M với Công ty S. Theo khoản 1 Điều 4 của Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty L1 ban hành kèm theo Nghị quyết số: 16.2020/QĐ.HĐTV ngày 30/6/2020, quy định: “...Đối với người quản lý Công ty không phải là người đại diện phần vốn Nhà nước thì mức tiền lương bình quân thực hiện do Công ty quyết định, bảo đảm cân đối hợp lý với tiền lương của người quản lý Công ty là người đại diện phần vốn Nhà nước”. Như vậy, Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty xác định không có chi trả tiền lương cho người đại diện phần vốn Nhà nước. Mặt khác, tại Tờ trình số: 06/2020.BGD.NĐ ngày 06/11/2020 của Công ty L1 về việc điều chỉnh kế hoạch lao động, quỹ lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2020 do chính bà Huỳnh Thị Phương M với chức danh Giám đốc Công ty L1 ký,

trình gửi Hội đồng thành viên ghi nhận kế hoạch sử dụng lao động năm 2020, thì trong Ban Giám đốc không có ghi nhận sử dụng lao động bà Huỳnh Thị Phương M với chức danh Giám đốc và Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người quản lý chuyên trách cũng không ghi nhận việc chi trả tiền lương cho chức danh Giám đốc. Ngoài ra, theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý Công ty L1 ban hành ngày 30/6/2020 chỉ ghi nhận chế độ tiền lương, tiền thưởng chỉ áp dụng đối với người quản lý chuyên trách, còn bà M không thuộc đối tượng là người quản lý chuyên trách. Bên cạnh đó không có văn bản thỏa thuận nào giữa Công ty L1 và bà M thể hiện nghĩa vụ trả lương của Công ty L1 cho bà M. Cho nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ.

Đối với việc nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M cho rằng bà có làm việc thực tế tại Công ty N từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/10/2021 với chức danh là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật nhưng không được bị đơn Công ty N2 từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là vi phạm quyền lợi của bà M. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 bà M giữ chức danh Giám đốc và đại diện theo pháp luật cho Công ty L1 là đại diện vốn cho Công ty S, giữa bà M và Công ty L1 không có ký Hợp đồng lao động. Theo bảng lương và điều chỉnh kế hoạch lao động, quỹ lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2020 do Giám đốc bà Huỳnh Thị Phương M ký, trình gửi Hội đồng thành viên Công ty L1 thì trong Ban Giám đốc không có ghi nhận sử dụng lao động bà Huỳnh Thị Phương M với chức danh Giám đốc. Đồng thời, Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 của người quản lý chuyên trách, không ghi nhận việc chi trả tiền lương cho chức danh Giám đốc là bà Huỳnh Thị Phương M (Bà M với vai trò là người quản lý không chuyên trách). Theo Phiếu thu nhập hàng tháng từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 12 năm 2021 do Công ty S cung cấp thể hiện bà M nhận lương và các khoản phụ cấp từ Công ty S và theo trình bày của bà M thì Công ty S cũng đã thanh toán đủ tiền thù lao cho người đại diện vốn không chuyên trách cho bà M từ ngày 18/10/2017 đến ngày 05/12/2021. Bà M đã nhận lương, phụ cấp, thù lao và chế độ khác từ Công ty S theo Hợp đồng lao động và Phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết, nên việc bị đơn Công ty L1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lương cho bà M là có căn cứ, phù hợp với Điều lệ, Nghị quyết, Kế hoạch lao động, quỹ lương, quỹ thù lao của Công ty L1.

Ngoài ra, tại khoản 1 và khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 1999 quy về thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân thể hiện “1. Thời hiệu yêu cầu hòa giải viên lao động thực hiện hòa giải tranh chấp lao động cá nhân là 06 tháng kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm.”... “3. Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm.”. Mặc dù, bà M biết việc Công ty L1 không trả lương cho bà trong thời hạn 06 tháng khi làm

việc tại Công ty L1 từ ngày 03/12/2019 nhưng bà M không có yêu cầu hòa giải viên lao động thực hiện hòa giải tranh chấp lao động cá nhân hay yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân trong thời hạn 01 năm, nhưng do tại Tòa án cấp sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để Tòa án sơ thẩm xem xét, nên Tòa án phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Phương M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của bà M là không có đủ căn cứ, đồng thời bà M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty L1. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét giải quyết.

[7] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà bà Huỳnh Thị Phương M được miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương M;
2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm;

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 39, các khoản 1 Điều 91, các Điều 227, 228, 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 90 Bộ luật lao động năm 2019; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương M yêu cầu Công ty TNHH L1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền lương căn bản cộng dồn phát sinh trong thời gian tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 15/10/2021 là 292.368.923 đồng và tiền lãi chậm trả tiền lương hàng tháng tạm tính từ ngày 03/12/2019 đến ngày 15/02/2022 là 10.997.909 đồng.

2.2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Phương M được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm.

3. Về án phí lao động phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Phương M được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi